

Lê tắ

An Nam Chí Lược

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2006

Lê tắc

An Nam Chí Lược

Lời Giới Thiệu

Song song với công việc biên mục Châu bản triều Nguyễn, Ủy ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt-Nam đã lập một kế hoạch riêng để hiệu đính và phiên dịch các bộ sử Việt Nam. Theo kế hoạch dự định ấy, các phiên dịch viên trong Ủy ban đã tham khảo các truyền bản tàng trữ tại các thư viện Nhật Bản, Trung Hoa và Anh Quốc, làm xong một hiệu bản của bộ An Nam Chí Lược và hoàn thành một bản phiên dịch Việt văn.

Nói về cuốn An Nam Chí Lược, ai ai cũng biết rõ soạn giả Lê Tắc là một tên phản bội với Tổ quốc. Trong lúc nước nhà đang gặp ngoại xâm, xã tắc nguy cấp, nhân dân đau khổ, Lê Tắc cùng bọn Trần Kiện và Trần Ích Tắc, không những không chịu gấn sức phấn đấu để cứu nước cứu dân, trái lại

nhân tâm và làm tôi địch. Hơn nữa, trong bộ An Nam Chí Lược, Lê Tắc quen mình là người Việt, dựa vào lập trường và quan điểm người Nguyên để soạn tập. Chẳng hạn, như những lời nịnh nọt a dua của soạn giả, những đoạn văn kiêu ngạo tự tôn tự đại trình bày trong các chiếu chỉ nhà Nguyên và trong các bài tựa các danh nhân hồi ấy, đều khiến cho chúng ta vô cùng uất ức và đau đớn.

Sở dĩ Ủy ban lấy bộ An Nam Chí Lược làm công việc phiên dịch đầu tiên, là vì bộ ấy có lẽ là bộ sử xưa nhất do một cá nhân người Việt soạn ra, và gồm có nhiều sử liệu đáng quý có liên quan đến cổ sử và trung sử Việt Nam, chứ không phải Ủy ban có chút định nào dung thứ những hành động và quan niệm sai lầm của soạn giả đối với tổ quốc. Nói khác, chúng tôi coi cuốn sách này là một sử liệu, là một đối tượng cho cuộc nghiên cứu sử học thuần túy, bởi vậy, thành thực muốn cung cấp một bộ hiệu bản và bản dịch đáng tin cậy cho học giới mà thôi.

Trong hai nghìn năm quốc sử, chúng ta không thể không công nhận rằng còn nhiều chỗ thiếu sót, mơ hồ, đang chờ đợi sự cố gắng của sử gia Việt Nam, để bổ túc hoặc xác định lại. Vậy, điều cần

thiết cho nền sử học Việt Nam ngày nay là gây phong trào
nghiên cứu theo phương pháp khoa học, nhất
là về phương diện sưu tầm và khảo đính sử liệu, chúng ta nên tìm
cách nâng đỡ và xúc tiến. Căn cứ vào
quan điểm ấy, tôi thành thực tin rằng bộ hiệu bản và bản dịch
này là một thực hiện mới của nền sử học
tại Việt Nam, và sẽ đem lại rất nhiều bổ ích cho công việc tìm tòi
sự thực trong quốc sử.

Huế, ngày 22 tháng 4 năm 1960

Viện Trưởng Viện Đại Học Huế

L. M. Cao Văn Luận

Lê tắc
An Nam Chí Lược
Tổng tự
Quyển đệ nhất
Cổ-Ái đông sơn Lê-Tắc biên

Tổng Tự

Từ xưa nước An-Nam thông giao với Trung-Quốc, thời vua
Chuyên-Húc, phía bắc đi tới U-Lăng,
phía nam đi tới Giao-Chỉ. Vua Đế-Nghiêu sai Hy Hoà qua ở đất
Nam-Giao, vua Thuấn sai Vũ qua Nam
yên-võ Giao-Chỉ. Qua đời Chu-Thành-Vương (1115-1079 trước
công nguyên), họ Việt-Thường qua chín
lần thông-ngôn, tới cống-hiến mà nói rằng: "Trời không có gió
bão, không mưa dầm, ngoài biển không
nổi sóng dữ đã ba năm nay, có lẽ ở Trung-Quốc có đáng thánh-
nhân trị-vì, sao chẳng tới châu?". Lúc bấy
giờ, Chu-Công đặt bài ca, đánh đàn thuật chuyện họ Việt-
Thường tới châu: "Ô hi ta ta! Phi Đán chi lược,
Văn-Vương chi đức", nghĩa là: ôi ôi! vui thay, cảnh-tượng thái-
bình không phải nhờ sức của Đán (tên của

Chu-Công) mà là nhờ đức của vua Văn-Vương. Nước Việt-Thường, tức đất Cửa-Châu, ở phía nam Giao-Chỉ.

Quyển Hán-Quan-Nghi của Ứng-Thiện chép rằng: "trước tiên Trung-Quốc mở mang từ "sóc"

(phương bắc), rồi sau tiến sang phương nam lấy làm "cơ chỉ".

Hiện nay, các sách viết chữ "chỉ"

_____ (cái nền) là viết sai.

Nhà Tần (246-207 trước công nguyên) lấy Giao Chỉ làm Tượng-Quận; đến khi nhà Tần loạn thì

Đô-úy quận Nam-hải là Triệu-Đà nổi binh đánh lấy hết các quận quốc, rồi tự lập làm vua. Khi ấy, Hán-

Cao-Tổ sai Lục-Giả qua lập Đà làm Việt-Vương. Sau khi Cao-Tổ băng, Cao-Hậu cấm Nam-Việt mua đồ sắt

của Trung-Quốc, Đà tiếm hiệu xưng đế, rồi phát quân đi đánh Trường-Sa. Văn-đế lại sai người đưa thư

qua trách Đà. Đà có ý sợ, bèn bỏ hiệu đế, nguyện làm tôi và cống hiến phẩm vật.

Năm Kiến-Nguyên thứ 3, (vua Võ-đế, 142 trước công nguyên)

Đà mất, con cháu họ Triệu truyền

xuống bốn đời, kể được hơn chín mươi năm.

Võ-đế sai Chung-Quân đi sứ qua Nam-Việt để dụ vua Việt tên là Hưng vào châu, Hưng muốn đi,

nhưng bị tướng Lữ-Gia can ngăn, vua không nghe, Gia làm phản, nổi binh đánh giết vua và cả sứ-gả nhà Hán, lập Kiến-Đức là anh khác mẹ lên làm vua Nam-Việt. Năm Nguyên-Đinh thứ 5 (112 trước công nguyên), Vệ-Uý là Lộ-Bác-Đức xuất mười vạn quân qua đánh Nam-Việt, năm thứ sáu, mới đánh bại người Việt, lấy đất đó chia làm các quận: Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất-Lâm, Hợp-Phố, Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam, Châu-Nhai và Đam-Nhi, mỗi quận đặt Thái-thú để cai trị.

Qua nguyên-niên Sơ-nguyên của Nguyễn-Đế (48-33 trước công nguyên), bãi bỏ hai quận Châu-Nhai và Đam-Nhi, còn lại bảy quận, kể cả Giao-Chỉ. Khi đầu, Giả-Quyên-Chi tâu rằng: Châu-Nhai, Đam-Nhi, đều ở hải ngoại; xứ ấy thường cày thể hiểm trở mà làm phản, đến lúc dụng binh tới dẹp, thì chỉ có miếng đất vô dụng mà thôi, nếu bỏ đi cũng không đáng tiếc. Vua Hán bèn hạ lệnh chiếu bãi bỏ.

Nhan-Sur-Cổ nói: bảy quận đều thuộc về Giao-Châu, theo chế độ nhà Hán, các quận thuộc châu, nên đặt Thứ-sử Giao-Châu để cai-trị chung.

Năm Kiến-Võ thứ 16 (40 sau công nguyên), đời vua Hán Quang-Võ, có người đàn bà Giao-Chỉ

tên là Trung-Trắc làm phản, năm thứ 19 (43), sai Mã-Viện qua đánh dẹp yên, rồi dựng trụ đồng để làm giới hạn nhà Hán.

Năm Kiến-An thứ 15 (210), Hiến-Đế dời chỗ cai trị qua quận Nam-Hải.

Vương-Phạm nói: chỗ quận trị của quan Thứ-sử ở đất Giao-Châu, cuối đời Hán, dời qua Nam-Hải, khi Tôn-Quyền mới được ấn mạng của nước Ngụy, cũng cầm cờ mao tiết làm tổng-đốc Giao-Châu và kiêm lĩnh Kinh-Châu. Tôn-Tur làm Giao-Chỉ Thái-thú quá tham bạo, bị quận lại Lữ-Hung giết, các quận Cửu-Chân và Nhật-Nam đều phản, và hàng nhà Tấn.

Tôn-Quyền thấy Giao-Chỉ ở xa, bèn chia Giao-Châu đặt Quảng-Châu và dời quận trị của Giao-Châu qua Long-Biên.

Nguyên niên Kiến-Hoành (269), vua nước Ngô là Tôn-Hạo sai các tướng là Tiết-Hủ, Đào-Hoàng

qua thu phục Giao-Chỉ, giết các tướng do nhà Tấn đặt ra, như vậy đất Cửu-Chân lại thuộc về Ngô. Đến

lúc nước Ngô mất, Giao-Châu trở về nhà Tấn, trải qua các triều:

Tổng, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường đều

để y như cũ, chỉ cải tên Cửu-Chân làm Ái-Châu, Nhật-Nam làm

Hoan-Châu, đều thiết Thứ-Sử, hoặc đặt

Giao-Châu tổng-quản hoặc An-Nam đô-đốc để thống trị. Qua đời
Đờng mới chia Lĩnh-Nam làm đông tây
đạo, đều đặt Tiết Độ-Sứ, lại đặt ra năm quận: Quế, Quán, Ung,
Dung và An-nam, đều thống thuộc
Đông-đạo, về phận Tây-đạo, thì đặt An-nam đô-hộ kiêm cả ngũ
quản. Kinh-Lược-Chiêu-Thảo-Sứ là
Trương-Bá-Nghi đắp La-Thành tại An-nam, công trình chưa
xong, đến năm Nguyên-Hoà thứ 3 (808), đô-hộ
là Trương-Chu đắp tiếp thêm mới hoàn công. Lâm-Tư nói rằng:
La-Thành chu-vi 2000 bước, tốn hết
25 vạn công.
Đến đời vua Tuyên-Tông, niên hiệu Đại-Trung (847-859) có
viên đô-hộ cai trị không được đứng
đắn, đãi dân bằng lối bạo ngược, họ bèn liên-kết với rợ Nam-
Chiếu, trở lại đánh phủ An-nam, cuộc rối
loạn chém giết kéo dài luôn mấy năm không thôi. Năm Hàm-
Thông thứ 3 của vua Y-Tông, (682), nước
Nam-Chiếu đánh hãm La-Thành; viên Kinh-Lược-Sứ Thái-Tập
bị chết, vua sai Cao-Biên làm chức đô-hộ,
đem quân đánh khôi phục phủ thành, chém tướng mọi là Đoàn-
Tù-Thiên và bọn quân mọi hơn 30.000
cái đầu; rồi tu bổ La-Thành lại, cải xưng đô-hộ-phủ Tĩnh-Hải-
Quân. Biên được trao cho làm chức Tiết-Độ-

Sứ.

Kịp đời Ngũ-Đại, các người thổ hào ở các Châu Giao, Ái là Khúc-Hạo, Dương-Diên-Nghệ, Kiều-

Công-Tiện, v.v... thay nhau dùng võ lực cướp quyền.

Tướng cũ của Nghệ là Ngô-Quyền bèn giết Công-Tiện mà tự lập làm vua, truyền được vài đời,

đến khi Ngô-Xương-Văn chết, thì có bộ thuộc là Ngô-Bình (tức Lữ-Xử-Bình), dành làm vua; Đinh-Bộ-Lĩnh

giết Ngô-Bình, lãnh nước Giao-Chỉ, tự xưng là Vạn-Thắng-Vương, lại tự ý cho con Liễn làm Tiết-Độ-Sứ.

Đầu nhà Tống, Liễn khiến Sứ nhập cống, Thái-tổ phong Bộ-Lĩnh làm Giao-chỉ Quận-Vương và hạ

chiếu cho Liễn làm Tiết-Độ-Sứ An-nam đô-hộ. Sau Liễn và cha đều mất, em là Triền kế lập thì bị Thái-

Hiệu Lê-Hoàn phế bỏ và cướp ngôi. Lê-Hoàn giả làm tờ biểu dâng vua nhà Tống, nói rằng:

Triền khiến Hoàn thay làm vua. Thái-Tông nhà Tống bèn phong Hoàn làm vua. Nhà Lê truyền

được ba đời, cộng ba mươi năm, bị Lý-Công-Uẩn cướp ngôi.

Vua Chân-Tông lại phong Công-Uẩn làm Giao-Chỉ Quận-Vương.

Năm Long-Hưng thứ 2 của Hiếu-Tông (1164), Lý-Thiên-Tộ sai sứ nhập cống, được vua Tống

phong làm An-nam quốc-vương, tên nước An-nam bắt đầu từ đó.
Họ Lý truyền ngôi được tám đời, không có con trai, do con gái là
Chiêu-Thánh nối ngôi.

Trong năm Canh-Dần niên hiệu Thiệu-Định nhà Tống (1230),
Chiêu-Thánh nhường ngôi cho

chồng là Trần-Nhật-Cự (tức Trần-Cảnh), vua Tống lại phong
Nhật-Cự làm An-nam Quốc-Vương.

Năm Quý-Sửu (1253), Đại-Nguyên đã dẹp yên Vân-Nam, đến
mùa đông năm Đinh-Tỵ (1257), sai

Đại-Soái là Ngột-Lương Hợp-Đãi đem quân qua biên-giới An-
nam, do đường Quảng-Tây để hội binh đánh

nhà Tống; quân-đội nhà Trần chống cự, không được thắng, bèn
nộp khoản xưng thần, rồi khiến bồi-thần

dâng lời biểu và thường năm qua cống hiến phẩm vật.

Đến năm Tân-Dậu niên-hiệu Trung-Thống (1261), vua Thế-Tổ
Hoàng-Đế lại phong họ Trần làm

vua An-nam; qua năm Đinh-Sửu, hiệu Chí-Nguyên (1277), vua
Trần mất, Thế-Tử (tức Nhật-Hoảng),

không xin sắc-mạng, mà tự lập làm vua, nên vua sai Thượng-
Thư bộ Lễ là Sài-Thung sang mời nhập

triều; vua Trần mượn cơ có tật không đi. Qua năm sau, lại lấy cơ
có tật không đi, sai quốc-thúc là Trần-

Di-Ái sang triều-kiến. Thế-Tổ viện cơ vua có bệnh, bèn lập Di-Ái

làm vua.

Năm Tây-Ty (1281), sai Sài-Thung nhận chức An-nam-Hành
Tuyên-Uý-Sứ Đô-Nguyên-Soái, xuất
binh 1000 người, đưa Di-Ái về nước, đi đến địa-giới Vĩnh-Bình,
An-nam không chịu nhìn nhận, Di-Ái sợ,
ban đêm trốn về, chỉ sai bồi-thần thay mặt tiếp rước Sài-Công
vào nước, tuyên lời dụ chỉ của vua rồi trở
về.

Năm Nhâm-Ngọ, hiệu Chí-Nguyên (1282), quan Hữu-Thừa là
Toa-Đô cầm quân qua đánh châu
Chiêm-Thành, triều-đình sai sứ yêu-cầu vua An-nam cho mượn
đường tiến binh, và giúp quân lương,
Thế-Tử (tức vua Trần) không chịu. Đến mùa đông năm Giáp-
Thân, hiệu Chí-Nguyên (1284), vua sai
Trần-Nam-Vương Thoát-Hoan và quan Bình-Chương là A-Lý-
Hải-Nha tiến tới biên giới, Thế-Tử kháng cự,
thua chạy, em là Ích-Tắc, quy thuận vào châu, vua thương tình,
phong Ích-Tắc làm An-nam quốc-vương,
lại phong cận-thần là Trần-Tú-Viên làm Phụ-Nghĩa-Công, các
quan lại đi theo cũng đều cho tước-vị.

Năm Đinh-Hợi, hiệu Chí-Nguyên (1287), Thế-Tổ sai Trần-Nam-
Vương và quan Bình-Chương là
Áo-Lỗ-Xích cầm quân qua bình-định An-nam, khi quân kéo đến,

Thế-Tử đánh thua, chạy trốn ngoài hòn
đảo ở giữa biển. Qua mùa xuân, tháng ba, năm sau, Trần-Nam-
Vương thấy khí-hậu nước An-nam quá
nóng-nực độc-địa, bèn kéo quân về.
Trong năm Quý-Tỵ hiệu Chí-Nguyên (1293), vua lại sai Đại-
Vương Ích-Cát-Liệt-Đải và quan Bình-
Chương là Lưu-Nhị-Bạt-Đô, v.v... qua đóng đồn tại đất Việt, để
chờ qua năm là năm Giáp-Ngọ (1294),
trong khoảng mùa thu thì tiến binh. Nhưng tháng giêng năm ấy
vua Thế-Tổ băng; qua tháng tư mùa hạ,
Thành-Tông Hoàng-Đế lên ngôi, hạ chiếu bãi binh, lại khiến
quan Thị-Lang bộ Lễ là Lý-Hản, quan Lang-
Trung là Tiêu-Thái-Đăng đi sứ qua An-nam tha tội cho Thái-Tử
An-nam và dẫn sứ-thần An-nam là Đào-
Tử-Kỳ về nước để tuyên lời dụ-chỉ. Lúc đó, Thế-Tử đã mất từ
mấy năm, nên con vua suất các quan liêu
ra đón, đặt bàn xông trầm, trông về cửa khuyết (nước Nguyên)
mà lạy tạ ơn. Lại khiến bồi-thần qua
dâng lời biểu chúc mừng, xin làm phiên-thần vĩnh-viễn, chiếu-lệ
thường triều-cống, đến nay vẫn còn.
Nam-Giao đời xưa, nhà Chu gọi là Việt-Thường, nhà Tần gọi là
Tượng-Quận, nhà Hán đặt làm ba
quận: Giao-Châu, Cửu-Chân và Nhật-Nam. Nhà Đường lại cải

Giao-Châu làm An-nam phủ, quận Cửu-Chân làm Ái-Châu, quận Nhật-Nam làm Hoan-Châu, tức là La-Thành, Thanh-Hoá và Nghệ-An ngày nay vậy.

Lê tắc
An Nam Chí Lược
Quận ấp
Quyển đệ nhất
Cổ-Ái đông sơn Lê-Tắc biên

Đất Nam-Giao xưa, nhà Chu gọi là Việt-Thường, nhà Tần đặt tên là Tượng-Quận. Đến cuối nhà Tần, Nam-Hải-Uý là Triệu-Đà đánh tóm thâm đất, tự lập làm một nước riêng và tiếm xưng vương-hiệu. Sơ niên Tây-Hán, Cao-Tổ phong Đà làm Nam-Việt-Vương, trải được mấy đời, thì tướng Nam-Việt là Lữ-Gia làm phản, giết vua Triệu và các sứ-thần của nhà Hán. Vũ-Đế sai Phục-Ba tướng-quân Lộ-Bác-Đức sang đánh diệt Nam-Việt, rồi đặt ra chín quận, bổ quan cai trị. Nước An-nam ngày nay tức là 3 quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân và Nhật-Nam ở trong chín quận ấy. Về sau các triều đại kế tiếp, chế-độ quận huyện không nhứt định. Qua đời Ngũ-Đại (907-959), người đất Ái-Châu là Ngô-Quyền, chiếm giữ quận Giao-Chỉ; đời sau các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, nối nhau tranh quyền, đều được nhà

Tổng phong vương tước. Quan-chế,
hình-pháp và hành-chính, ít nhiều học của Trung Hoa, còn về
quận-ấp hoặc theo cũ, hoặc đổi mới, nay
lấy đại-khái mà chép lại.

Đại-La Thành-Lộ1: xưa là nước Giao-Chỉ, đời nhà Hán để như
cũ, nhà Đường đặt làm An-nam
đô-hộ-phủ, thành phủ ở tại phía tây bờ sông Lư-Giang; Trương-
Bá-Nghi đời Đường bắt đầu xây thành
1 Chũ-Lộ, theo nghĩa chính là đường đi, nhưng ở trong sách sử
Địa thì có khi là một tỉnh, một phủ, huyện, một địa hạt, một
thànhphố
hay một châu quận.

ấy, Trương-Chu, Cao-Biên tiếp-tục sửa sang đắp thêm. Trong
thời Chân-Tông nhà Tống, Lý-Công-Uân
người quận ấy, kiến-quốc tại đây. Đến nhà Trần nối theo nhà Lý
lấy đất ấy đắp thêm ba phủ nữa: Long-
Hưng, Thiên-Trường và Trường-An.

Long-Hưng-Phủ: tên cũ là Đa-Cương-Hương. Tổ-tiên họ Trần
lúc còn hàn-vi, ban đêm đi qua
một cái cầu khe, khi qua rồi, ngoảnh lại, không thấy cầu nữa.
Chẳng bao lâu, họ Trần được nước, người
ta gọi khe ấy là Long-Khê, nên đổi tên Đa-Cương làm Long-
Hưng.

Thiên-Trường-Phủ: tên cũ là Túc-Mặc-Hương, nơi phát-dịch họ Trần. Đến khi họ Trần được nước, xây một hành-cung tại đó, mỗi năm đến một lần, để tỏ ra là không bỏ quên chỗ phát-tích của ông bà, rồi đổi tên làm Thiên-Trường-Phủ, chỗ ấy có nước thủy-triều chảy quanh thành, hai bên bờ mọc nhiều cây hoa, khí thơm ngát người, hoặ-thuyền qua lại, giống như cảnh tiên vậy.

Trường-An-Phủ: vốn là động Hoa-Lư; chỗ sinh ra Đinh-Bộ-Lĩnh, cuối đời Ngũ-Quý, họ Đinh lập quốc tại đó.

Qui-Hoá-Giang-Lộ: tiếp với biên-giới Vân-Nam.

Tuyên-Hoá-Giang-Lộ: tiếp giáp đạo Đắc-Ma.

Đà-Giang-Lộ: tiếp với địa-giới Kim-Xỉ.

Lạng-Châu-Giang-Lộ: tiếp với tả-giang và hữu-giang.

Bắc-Giang-Lộ: ở trên đông-ngạn của La-Thành, nước sông Lư-Giang thông với biển, trên sông có bắc 10 cái cầu đồ sộ và đẹp đẽ.

Như-Nguyệt-Giang-Lộ.

Nam-Sách-Giang-Lộ.

Đại-Hoàng Giang-Lộ.

Hồng-Lộ.

Khoái-Lộ.

